



VĂN BẢN HỢP NHẤT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01 /2026/VBHN-QĐCT-UBND

Hải Phòng, ngày 27 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phân cấp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức, thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Quyết định số 31/2026/QĐ-CTUBND ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức, thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 5 năm 2026, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Quyết định số 70/2026/QĐ-CTUBND ngày 25 tháng 8 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 31/2026/QĐ-CTUBND ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng phân cấp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức, thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 9 năm 2026.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; được sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi, thủy sản; thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón;

Căn cứ Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;

Căn cứ Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng;

Căn cứ Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật;

Căn cứ Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 312/TTr-SNNMT ngày 25/4/2026;¹

¹ Quyết định số 70/2026/QĐ-CTUBND có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 78/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón;

Căn cứ Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;

Căn cứ Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng;

Căn cứ Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật;

Căn cứ Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Quyết định phân cấp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức, thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định phân cấp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức, thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Đối tượng áp dụng: Sở Nông nghiệp và Môi trường và tổ chức, cá nhân có liên quan đến lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

Điều 2. Nội dung phân cấp

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng, cụ thể như sau:

1. Cấp Giấy phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt lai của giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại.

2. Cấp Giấy phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế (bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng).

3.² Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc; Sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ.

4.³ Hủy bỏ Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng.

5. Cấp Giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng.

Căn cứ Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 777/TTr-SNNMT ngày 18 tháng 8 năm 2026;”

² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 70/2026/QĐ-CTUBND, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 9 năm 2026.

³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 70/2026/QĐ-CTUBND, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 9 năm 2026.

6.⁴ Cấp, thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng; ghi nhận, ghi nhận lại, xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng.

7. Cấp, đình chỉ, phục hồi, hủy bỏ Quyết định công nhận cây đầu dòng, Quyết định công nhận vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính.

8. Cấp, thu hồi Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón.

9. Cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón.

10. Cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón.

11. Cấp, cấp lại và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật.

12.⁵ Cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

13. Cấp Quyết định công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật.

14. Cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật.

15.⁶ Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc bảo vệ thực vật nhập khẩu.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc tổ chức thực hiện đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền các nội dung được phân cấp tại Quyết định này; báo cáo, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp với Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố;

b) Thực hiện rà soát, xây dựng trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực phân cấp nếu có thay đổi về trình tự thực hiện.

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp theo quy định của Quyết định này và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 5 năm 2026⁷.

⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Quyết định số 70/2026/QĐ-CTUBND, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 9 năm 2026.

⁵ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Quyết định số 70/2026/QĐ-CTUBND, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 9 năm 2026.

⁶ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Quyết định số 70/2026/QĐ-CTUBND, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 9 năm 2026.

2. Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ để giải quyết theo thủ tục hành chính trước ngày Quyết định này có hiệu lực mà chưa có kết quả giải quyết thủ tục hành chính thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận.

Điều 5. Tổ chức thực hiện⁸

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các sở, ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, đặc khu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND thành phố Hải Phòng (để đăng Công báo);
- Sở Tư pháp (để đăng tải);
- Cổng TTĐT Chính phủ (để đăng tải);
- Công báo thành phố (để đăng tải);
- Công thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, N.T.Hiếu.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hải Phòng, ngày 27 tháng 8 năm 2026

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Quân

⁷ Điều 2 của Quyết định số 70/2026/QĐ-CTUBND, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 9 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 9 năm 2026.”.

⁸ Điều 3 của Quyết định số 70/2026/QĐ-CTUBND, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 9 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các sở, ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, đặc khu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.”.